TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B T
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:04/2022/DS-ST
Ngày17–02– 2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B T TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Phạm Thị Hà

2.Ông Lương Thanh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân -Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B T.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2021/TLST-DS ngày 25/11/2021về vụ án: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/QĐXX-ST ngày 28/01/2022giữa;

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L; Sinh năm 1961 (có mặt).

Nơi cư trú: Phố 2, thị trấn C N, huyện B Th, tỉnh T H.

Bị đơn: Bà Trương Thị G sinh năm 1962(có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố Đ, thị trấn C N, huyện B T, tỉnh T H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Do mối quan hệ quen biết nên bà G có vay của gia đình bà L người trực tiếp đưa tiền bà G là ông T chồng bà L. Bà G có viết giấy vay tiền cho ông T ghi ngày 20/3/2013, số tiền vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Nhưng thực tế là có thỏa thuận lãi và vợ chồng bà L đã đi đòi nợ nhiều lần nhưng bà G lần nào cũng khất nợ. Ngày 15/12/2019 chồng bà L là Lê Văn T đã chết. Bà G thì bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2015 đến nay nên bà L không thể khởi kiện được. Nay bà L yêu cầu bà G có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc là 60.000.000đ và lãi thỏa thuận miệng lãi 15%/năm chỉ tính từ tháng 01 năm 2016 đến nay.

Bà G trình bày: Từ năm 2010 bà G có vay tiền của anh T chồng chị L nhiều lần và đã trả sòng phẳng. Đến 20/3/2013 bà G có viết giấy vay tiền với số tiền vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Bà G đã trả lãi đến hết năm 2014. Thời điểm vay với gia đình bà L và ông T bà G trả lãi ngày nhưng bà G không có chứng cứ về việc trả lãi ngày của giấy vay tiền 20/3/2013 cho ông T và bà L.

Nay bà G không còn khả năng trả nợ nên xin toàn bộ lãi. Và xin trả một phần tiền gốc, khả năng bà G chỉ trả dần được 25.000.000đ tiền gốc.

Tại phiên tòa: Bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bà G trả toàn bộ tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và lãi bà L yêu cầu 1,25%/tháng tương đương 15%/năm. Tính lãi từ 01/01/2016 đến hết tháng 01 năm 2022 là 73 tháng. Lãi là 60.000.000đ x 1,25%/tháng x 73 tháng = 54.750.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 114.750.000đ (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa bà G công nhận giấy vay tiền ngày 20/3/2013 vay số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) là do bà G viết. Bà G đã trả lãi hết năm 2014, vay không thời hạn và có lãi. Tuy bà G trình bày trả lãi cao nhưng không chứng minh được sau khi viết giấy vay tiền ngày 20/3/2013 bà G đã trả lãi cao cho ông T và bà L. Nay bà G không có khả năng trả nợ một lần bà G xin toàn bộ lãi và gốc trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, vay không thời hạn và có lãi.

[3] *Về nội dung vụ án*: Đây là hợp đồng vay (tiền mặt) không thời hạn và có lãi, nhưng tranh chấp về mức lãi suất thỏa thuận.

Các đương sự đều công nhận số tiền gốc bà G và của gia đình bà L là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) người trực tiếp giao tiền cho bà G là ông T chồng bà L và bà G viết giấy vay tiền với ông T. Nay ông T đã chết nên và bà L khởi kiện.

Bị đơn công nhận tiền gốc vay với ông T chồng bà L là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), lãi trả hết năm 2014. Có lần bà G trả lãi trực tiếp cho ông T nhưng cũng có lần trả lãi cho bà L.

Nguyên đơn cũng có xem xét đến khó khăn của bị đơn và yêu cầu tính lãi từ tháng 01 năm 2016 đến nay với mức lãi 15%/ năm phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên có có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn với số tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và lãi suất 15%/năm tính từ 01/01/2016 đến hết tháng 01 năm 2022.

Bị đơn xin tiền lãi và xin trả dần tiền gốc, nguyên đơn yêu cầu trả một lần tiền gốc và lãi. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án.

Về trách nhiệm trả nợ: Theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 đều quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ khi đến hạn". Việc thỏa thuận của các đương sự và các quy định về hợp đồng vay tài sản của BLDS năm 2005 tương ứng với quy định của BLDS năm 2015 nên HĐXX áp dụng Điều luật của BLDS năm 2015.

Về án phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch của số tiền phải trả nợ và hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ áp dụng:

- Căn cứ áp dụng: Các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Về yêu cầu bà Trương Thị G trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Lãi chị tính từ ngày 01/01/2016 đến hết tháng 01 năm 2022 là 73 tháng là 60.000.000đ x 1,25% x 73 tháng 54.750.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 114.750.000đ(Một trăm mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Buộc bà Trương Thị G có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L tổng cả gốc 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng)và lãi 54.750.000đ (Năm mươi tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi là 114.750.000đ (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

4. *Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ*: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành

án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

5.*Về án phí*: Bà Trương Thị G phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch của số tiền phải trả nợ 114.750.000đ (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) là 5.737.500đ làm tròn là 5.737.000đ (Năm triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị L toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008487 ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B T.

6. Bản án này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm có mặt bà Nguyễn Thị L và bà Trương Thị G và bà L và bà G có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện BT
…..
- Lưu hồ sơ vụ án.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Yến Nguyễn Văn Đàn Trần Thị Quyên